BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ TÀI NĂNG TRẺ
****

Số: **167**-TB/KHCN

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản 2016;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 970-QĐ/TWĐTN-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ;

Căn cứ Quyết định số 1051a-QĐ/TWĐTN-VP ngày 25/6/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê của Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ;

Căn cứ Quyết định số 67-QĐ/KHCN ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê tài sản.

Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá tài sản cho thuê theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thông tin đơn vị tổ chức đấu giá tài sản

- Trung tâm Phát triển Khoa học Công nghệ và Tài năng trẻ thuộc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

- Địa chỉ: Số 7 Xã Đàn, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024 35770016; email: tainangviet.twd@gmail.com.

2. Tên tài sản, giá khởi điểm đưa ra đấu giá

2.1. Tên tài sản: Một phần diện tích tầng 1; một phần diện tích tầng 2; diện tích tầng 4 và diện tích tầng 5. Cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (VNĐ/01m^2)	Thành tiền (VNĐ/01 tháng)
1.	Một phần diện tích tầng 1	200	313.148đ	62.629.667đ

STT	Tên tài sản	Diện tích (m^2)	Giá khởi điểm (VNĐ/01m^2)	Thành tiền (VNĐ/01 tháng)
2.	Một phần diện tích tầng 2	98	593.721đ	58.184.642đ
3.	Tầng 4	240	172.337đ	41.360.800đ
4.	Tầng 5	240	172.337đ	41.360.800đ

2.2. Tổng giá khởi điểm của các tài sản trên trong 36 tháng: 7.327.292.648đ *(Bằng chữ: Bảy tỷ, ba trăm, hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn, sáu trăm bốn tám đồng)*.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	**Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố**	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	**Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá**	**19,0**
1	**Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá**	**10,0**
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, ...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2	**Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá**	**5,0**
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3	**Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên. Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài**	**2,0**

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	
4	**Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến**	**1,0**
5	**Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá**	**1,0**
III	**Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả** *(Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)*	**16,0**
1	**Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao**	**4,0**
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2	**Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)**	**4,0**
3	**Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá**	**4,0**
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4	**Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá**	**4,0**
IV	**Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**	**57,0**
1	**Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề** ***(bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	**15,0**
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2	**Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	**7,0**

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3	**Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề** ***(Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4	**Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên** (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm	**3,0**
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y	

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
5	**Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động** ***(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	**7,0**
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6	**Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	**4,0**
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7	**Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân** ***(Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	**4,0**
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8	**Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	**5,0**
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9	**Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng** ***(Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	**5,0**
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	**Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định** ***(Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)***	**8,0**
1	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tài sản người có tài sản đấu giá và đã tổ chức đấu giá thành công hợp đồng đó	4,0
2	Là tổ chức đấu giá tài sản trực thuộc cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội	4,0
Tổng số điểm		**100**

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ, quy cách hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

4.1. Thời gian nộp hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia.

4.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Văn phòng Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ, số 7 phố Xã Đàn, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.35770016

Người liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Kim Phượng, Chánh Văn phòng. Điện thoại 0982.337.776.

4.3. Quy cách hồ sơ: Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá bao gồm đầy đủ thông tin, các tiêu chí, bố cục trình bày nội dung hồ sơ theo thứ tự các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp được đóng quyển có đầy đủ tài liệu hợp pháp chứng minh năng lực được để trong phong bì dán kín niêm phong.

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp bảng tự chấm điểm, chấm điểm các tiêu chí theo nội dung tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Các tiêu chí chấm điểm không có tài liệu/hình ảnh chứng minh hợp pháp thì được xem như không có điểm ở tiêu chí đó.

(Lưu ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với các trường hợp không được lựa chọn).

Trung tâm Phát triển Khoa học, Công nghệ và Tài năng trẻ thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được biết và đăng ký tham gia.

Trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ TÀI NĂNG TRẺ

Trần Hữu

Nơi nhận:
- Ban Bí thư TW Đoàn (để báo cáo);
- Cổng TTĐT Quốc gia về đấu giá tài sản và Cổng Thông tin tainangviet.vn (để đăng tin);
- Các phòng, bộ phận Trung tâm (để biết);
- Lưu VPTT.